TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 02/10/2019
V/v: " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng;

2. Ông Trương Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Thái Học – Thư ký TAND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa**:** ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-DS ngày 13/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị H, sinh năm: 1966; HKTT: đường T, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. *(Có mặt)*

2. Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc Q, sinh năm: 1990; HKTT: ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1964; HKTT: đường T, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

+ Chị Đỗ Thị Hồng Ng, sinh năm: 1990; HKTT: ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2018, trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 01/3/2016, anh Nguyễn Ngọc Q có vay bà số tiền 570.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng nên thời hạn vay chỉ 10 ngày (từ ngày

01/3/2016 đến ngày 11/3/2016), anh Q có hứa sau khi đáo hạn xong sẽ đem tiền trả cho bà ngay, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Tuy nhiên, từ đó đến nay anh Q không trả hết 1 lần mà trả nhiều lần với số tiền đã trả được là 280.000.000 đồng. Số tiền anh Q còn nợ lại bà là 290.000.000 đồng đến nay anh Q không chịu trả, cố tình trốn tránh. Từ khi vay đến nay anh Q vẫn chưa trả cho bà tiền lãi theo thỏa thuận.

Nay bà yêu cầu anh Q và vợ anh Q là chị Đỗ Thị Hồng Ng cùng trả cho vợ chồng bà số tiền 290.000.000 đồng và lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01/3/2016 cho đến nay là 43 tháng 01 ngày, làm tròn là 43 tháng x (290.000.000 đồng x 1%) = 124.700.000 đồng. Do lúc vay mặc dù chỉ 1 mình anh Q đi vay nhưng khi hẹn trả nợ thì chị Ng có cùng anh Q ra để hứa trả nợ cho bà.

Tài liệu bà H cung cấp: 01 giấy vay tiền ký ngày 01/3/2016 (bản chính) và 01 giấy hẹn trả nợ ngày 12/4/2016 (bản chính);

* Tại bản tự khai ngày 06/11/2018, biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc Q trình bày:

Vào khoảng tháng 2/2016 anh có vay của bà Phạm Thị H số tiền 520.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là cứ 1.000.000 đồng tiền vay gốc thì tiền lãi là 6.000 đồng/ngày, tính ra 520.000.000 đồng tiền vay thì tiền lãi sẽ là 3.120.000 đồng/ngày. Và có thỏa thuận, cứ 3 ngày anh sẽ trả lãi cho bà H 1 lần. Nhưng sau đó vì không có tiền trả tiền lãi nên vào ngày 01/3/2016, bà H có yêu cầu anh viết lại tờ giấy vay tiền cho bà, tính tổng số tiền nợ gốc và lãi suất anh chưa trả là 570.000.000 đồng. Anh thừa nhận giấy vay tiền ghi ngày 01/3/2016 là do chính anh viết và ký vào. Từ khi ký giấy ngày 01/3/2016 thì anh trả lãi cho bà H khoảng 1 năm, sau đó thì không tiếp tục trả lãi nữa. Đối với số nợ gốc anh cũng đã trả cho bà H hơn 400.000.000 đồng, anh trả cho bà qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng, anh không nhớ chính xác những lần trả nợ như thế nào và hiện anh cũng chưa cung cấp được các chứng cứ cho tòa án và anh đề nghị cho thời gian là 1 tháng kể từ ngày làm việc (ngày 06/11/2018) anh sẽ cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Anh cho rằng vì không nhớ được số tiền chính xác đã trả cho bà H bao nhiêu, còn nợ lại bao nhiêu nên anh chưa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, tuy nhiên đối với số tiền nợ còn lại anh đề nghị trả lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng. Anh cho rằng vợ anh là chị Đỗ Thị Hồng Ng ở nhà nội trợ, việc kinh doanh là do anh làm để lo kinh tế gia đình.

* Tại đơn xin vắng mặt, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn D trình bày: do công việc và không sắp xếp được thời gian nên ông xin vắng mặt trong các buổi làm việc của Tòa án và ông ủy quyền cho vợ ông đại diện cho ông để làm việc tại tòa.

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Hồng Ng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Ng nhưng chị Ng cố tình vắng mặt nên không có lời khai của chị Ng.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của HĐXX, Thẩm phán chủ tọa

phiên tòa, thư ký, người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc anh Q trả tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng cho vợ chồng bà và lãi suất theo quy định pháp luật. Buộc chị Ng thực hiện nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị H trình bày, bà có cho anh Nguyễn Ngọc Q vay số tiền 570.000.000 đồng, đã trả được 280.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 290.000.000 đồng; do anh Q không trả tiền như thỏa thuận nên bà khởi kiện. Như vậy, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự" mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 23/10/2018 tại công an xã Sông Ray (BL 32) thì anh Q có hộ khẩu thường trú tại ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Ngọc Q, chị Đỗ Thị Hồng Ng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Ông Nguyễn Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị Ng và ông D là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét lời trình bày của các đương sự nhận thấy: Mặc dù giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất với nhau về số tiền vay ban đầu, theo bà Phạm Thị H trình bày thì bà cho anh Q vay số tiền 570.000.000 đồng, còn anh Q lại cho rằng mình vay số tiền là 520.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Q lại thừa nhận giấy vay ghi ngày 01/3/2016 là do anh Q tự ghi và ký vào với nội dung là vay số tiền 570.000.000 đồng. Anh Q cho rằng mình đã trả số tiền nợ gốc cho bà H đã hơn 400.000.000 đồng, tuy nhiên anh lại không cung cấp được giấy tờ chứng minh cho việc trả nợ, cũng như anh cho rằng việc mình đã trả lãi cho bà H 1 ngày là 6.000 đồng/ngày cho 1.000.000 đồng tiền nợ gốc, như vậy sẽ là 0,6%/ngày, 1 tháng sẽ là 18%/tháng nhưng cho đến thời điểm hiện nay, anh Q không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về lời trình bày của mình.

Vì vậy, với việc thừa nhận việc mình đã vay số tiền 520.000.000 đồng và có ký vào giấy vay số tiền 570.000.000 đồng nhưng không chứng minh được số tiền mình đã trả cho bà H. Vì anh Q và chị Ng là vợ chồng với nhau, anh Q cũng trình bày việc lo kinh tế gia đình là từ anh nên anh vay tiền cũng là để kinh doanh thu nhập cho gia đình. Vì vậy, yêu cầu của bà H buộc vợ chồng anh Q, chị Ng phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với mức lãi suất: bà H yêu cầu anh Q trả lãi suất cho bà là 1%/tháng tính từ ngày vay 01/3/2019 cho đến nay đối với số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng. Mặc dù 2 bên khai về mức lãi suất thỏa thuận vay là khác nhau, bà H cho rằng thỏa thuận lãi là 3%/tháng, còn anh Q cho rằng lãi suất là 18%/tháng. Vì anh Q không cung cấp được chứng cứ nên không thể xem xét về hành vi của bà H có cho vay nặng lãi hay không nhưng xét thấy các bên có thỏa thuận về lãi và lãi suất các bên thỏa thuận vượt mức lãi suất quy định tại Điều 468 BLDS. Tại phiên tòa hôm nay, bà H yêu cầu anh Q, chị Ng trả lãi suất đối với số tiền vay với mức là 1%/tháng, xét thấy yêu cầu trên phù hợp với mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS là không quá 20%/năm, vậy nên chấp nhận yêu cầu của bà H.

Như vậy, số tiền lãi buộc anh Q phải trả cho bà H như sau: Tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày nay là 43 tháng 01 ngày, bà H đề nghị làm tròn 43 tháng: (290.000.000 đồng x 1%) x 43 tháng = 124.700.000 đồng.

[4] Về án phí: Tổng số tiền anh Q, chị Ng phải trả cho bà H, ông D là tiền nợ gốc 290.000.000 đồng + lãi suất 124.700.000 đồng = 414.700.000 đồng. Án phí mà anh Q, chị Ng phải nộp là 20.000.000 đồng + (14.700.000 đồng x 4% = 588.000 đồng) = 20.588.000 đồng.

* Về quan điểm của VKSND huyện Cẩm Mỹ phù hợp với quy định pháp luật và quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Tuyên xử</u>:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị H.

- Buộc anh Nguyễn Ngọc Q và chị Đỗ Thị Hồng Ng trả cho bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn D số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 124.700.000 đồng (Một trăm hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất bằng 1%/tháng tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Anh Q và chị Ng phải nộp số tiền 20.588.000 đồng (Hai mươi triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí DSST.

- Hoàn trả cho bà H số tiền 7.250.000 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004383 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt được 15 ngày kháng cáo bản án, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tường Vy